

Số: 808 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thủ tục hành chính được đưa ra khỏi Danh mục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Công Thương: Số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương; số 67/QĐ-BCT ngày 16/01/2023 về công bố TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 10/TTr-SCT ngày 18/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục các thủ tục hành chính (TTHC), gồm:

- 03 (ba) TTHC mới ban hành, 06 (sáu) TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính này thực hiện theo Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương.

- 02 (hai) TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực điện tại Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- 19 (mười chín) TTHC trong lĩnh vực xuất nhập khẩu được đưa ra khỏi Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 và Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

Phụ lục

**DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, TTHC SỬA ĐỔI BỔ SUNG, TTHC BỊ BÃI BỎ, TTHC ĐƯỢC ĐƯA RA KHỎI
DANH MỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC HÓA CHẤT					
1.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Từ 08 -10 ngày theo từng trường hợp	Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	1.200.000	Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương
2.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05		600.000	
3.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Từ 08 -10 ngày theo từng trường hợp		600.000	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC HÓA CHẤT						
1	1.002758.00 0.00.00.H54	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (thủ tục số 02 phần I Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Từ 08 -10 ngày theo từng trường hợp	Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	1.200.000	Theo Quyết định số 2544/QĐ- BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương
2	2.001172.000 .00.00.H54	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (thủ tục số 03 phần I Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)			600.000	
3	2.001175.000 .00.00.H54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (thủ tục số 04 phần I Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)	05		600.000	
4	1.002758.00 0.00.00.H54	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (thủ tục số 05 phần I Quyết định số 1833/QĐ-	Từ 08 -10 ngày theo từng trường hợp	Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc	1.200.000	Theo Quyết định số 2544/QĐ- BCT ngày 28/11/2022 của

		UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)		Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh		Bộ Công Thương
5	2.000652.00 0.00.00.H54	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (thủ tục số 06 phần I Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)			600.000	
6	2.001161.000 .00.00.H54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (thủ tục số 07 phần I Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)	05		600.000	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Căn cứ pháp lý
1	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (thủ tục số 09, phần I, Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)	2.000543.000.00.00.H54	Quyết định số 67/QĐ-BCT ngày 16/01/2023 của Bộ Công Thương
2	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp bị mất hoặc hỏng thẻ (thủ tục số 10, phần I, Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)	2.000526.000.00.00.H54	

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯA RA KHỎI DANH MỤC TTTC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D (thủ tục số 01, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định số 768/QĐ-BCT ngày 12/3/2018 của Bộ Công Thương
2	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu E (thủ tục số 02, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
3	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK (thủ tục số 03, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
4	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AJ (thủ tục số 04, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định số 768/QĐ-BCT ngày 12/3/2018 của Bộ Công Thương
5	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AI (thủ tục số 05, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
6	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AANZ (thủ tục số 06, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
7	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu S (thủ tục số 07, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
8	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu X (thủ tục số 08, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
9	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VJ (thủ tục số 09, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
10	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VC (thủ tục số 10, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
11	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VK (thủ tục số 11, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
12	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EAV (thủ tục số 12, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
13	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều Mẫu A cho mặt hàng giày dép xuất khẩu sang thị trường EU (thủ tục số 13, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định số 768/QĐ-BCT ngày 12/3/2018 của Bộ Công Thương
14	Cấp lại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) (thủ tục số 14, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
15	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP (thủ tục số 15, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	
16	Cấp mã số (MID) nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ (thủ tục số 16, phần I, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định số 768/QĐ-BCT ngày 12/3/2018 của Bộ Công Thương
17	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK (thủ tục số 01, phần I, Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định số 3556a/QĐ-BCT ngày 02/12/2019 của Bộ Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
18	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU (thủ tục số 02, phần I, Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định số 1103/QĐ-BCT ngày 20/01/2020 của Bộ Công Thương
19	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 (thủ tục số 03, phần I, Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Quyết định số 1648/QĐ-BCT ngày 22/6/2020 của Bộ Công Thương
